

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 9 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25/4/2008
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2007
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGHĨA



Số: 13.128/BCKTHN-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 35 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Chứng chỉ KTV số 1727/KTV

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐOẠI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.065.180.913.743	1.243.001.577.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	27.467.867.667	46.573.662.231
1. Tiền	111		22.857.867.667	22.944.092.231
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.610.000.000	23.629.570.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	646.550.997	3.411.544.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988.103.451	3.808.256.322
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(341.552.454)	(396.712.322)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.3)	64.840.753.243	126.904.518.489
1. Phải thu khách hàng	131		57.765.691.429	121.250.179.569
2. Trả trước cho người bán	132		10.557.716.671	4.620.870.808
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.818.466.840	7.538.571.114
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.301.121.697)	(6.505.103.002)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	936.438.103.645	1.022.724.015.592
1. Hàng tồn kho	141		945.314.630.207	1.039.592.506.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.876.526.562)	(16.868.490.890)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.787.638.191	43.387.837.300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		479.810.632	303.321.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.149.050.987	25.159.352.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.506.795
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	19.158.776.572	17.921.656.669

(phần tiếp theo trang 06)

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐOẠI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		847.195.543.652	565.995.928.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		846.162.274.553	565.927.451.061
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	472.878.612.944	66.094.314.831
+ Nguyên giá	222		532.356.401.173	104.113.926.229
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.477.788.229)	(38.019.611.398)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(5.7)	9.693.079.445	-
+ Nguyên giá	225		10.339.284.741	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(646.205.296)	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.8)	59.890.619.372	61.330.504.989
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.070.927.436)	(1.631.041.819)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.9)	303.699.962.792	438.502.631.241
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		339.477.795	68.477.795
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		339.477.795	68.477.795
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		693.791.304	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		90.000.000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.11)	298.322.384	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		305.468.920	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.912.376.457.395	1.808.997.506.468

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐOẠI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.187.631.474.195	1.045.389.904.396
I. Nợ ngắn hạn	310		992.683.063.545	959.533.025.516
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	669.222.608.154	667.955.185.823
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	225.246.936.198	229.180.511.808
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	7.829.950.192	5.574.408.555
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	74.023.754.434	35.386.337.202
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	3.033.575.364	215.977.969
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	3.945.227.288	4.324.115.833
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	4.088.022.961	12.131.101.125
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.16)	5.292.988.954	4.765.387.201
II. Nợ dài hạn	330		194.948.410.650	85.856.878.880
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	194.948.410.650	85.530.579.780
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	326.299.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		724.744.983.200	763.607.602.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.18.1)	724.744.983.200	763.607.602.072
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.18.2)	501.360.900.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.852.283.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	247.207.664
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25.358.534.309	17.239.269.021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.632.796.366	1.866.469.837
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.18.6)	93.179.154.569	140.680.157.594
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.912.376.457.395	1.808.997.506.468

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		4.446,19	17.404,27
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.603.276.548.706	1.854.812.000.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.961.366.135	2.178.099.751
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.596.315.182.571	1.852.633.900.532
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.436.833.089.343	1.513.269.094.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		159.482.093.228	339.364.806.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.737.756.758	7.832.567.698
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	91.071.612.637	122.325.604.276
trong đó, chi phí lãi vay	23		87.070.331.027	(81.180.510.228)
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	11.921.572.052	16.314.805.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	40.073.624.185	29.021.268.663
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.153.041.112	179.535.695.765
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	10.920.037.651	4.424.273.387
12. Chi phí khác	32	(6.8)	15.592.194.100	6.621.657.982
13. Lợi nhuận khác	40		(4.672.156.449)	(2.197.384.595)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		14.480.884.663	177.338.311.170
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.10)	1.594.044.991	14.953.005.420
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.11)	(298.322.384)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		13.185.162.056	162.385.305.750
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		13.185.162.056	162.385.305.750
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.18.5)	281	3.476

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.480.884.663	177.338.311.170
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		24.009.468.198	11.208.846.615
Các khoản dự phòng	03		(7.251.105.501)	19.898.022.994
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		208.195.515	661.227.500
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.510.099.714)	(2.377.813.803)
Chi phí lãi vay	06		87.070.331.027	81.180.510.228
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		117.007.674.188	287.909.104.704
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		228.295.741.673	(44.695.481.240)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		94.277.876.275	410.087.070.597
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(125.703.666.224)	148.362.864.123
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(266.489.629)	(161.752.378)
Tiền lãi vay đã trả	13		(108.881.357.789)	(79.980.624.257)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(24.770.594.540)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		574.615.696.057	688.146.359.427
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(580.777.284.996)	(687.976.026.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			198.568.189.554	696.920.919.940
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(294.026.012.015)	(206.684.535.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.182.297.323	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.820.152.871	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(271.000.000)	(7.220.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.066.052.205
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.248.381.723	2.159.538.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(280.046.180.098)	(202.466.165.495)

(phần tiếp theo trang 11)

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(58.508.685.584)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.721.733.090.329	1.253.693.108.777
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.610.715.127.431)	(1.507.106.345.798)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.645.746.160)	(144.948.614.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		62.372.216.738	(456.870.537.105)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(19.105.773.806)	37.584.217.340
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.573.662.231	8.989.444.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.758)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		27.467.867.667	46.573.662.231

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013
TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	100%	100%

1.5. Nhân Viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 479 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 538 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm
+ Phần mềm máy tính	08 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.13. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2005 đến năm 2011).

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

▪ Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.16. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	610.934.912	648.279.926
Tiền gửi ngân hàng	22.246.932.755	22.295.812.305
Các khoản tương đương tiền	4.610.000.000	23.629.570.000
Tổng cộng	27.467.867.667	46.573.662.231

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	1.808.256.322
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	3.808.256.322
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(341.552.454)	(396.712.322)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	646.550.997	3.411.544.000

Cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	189.613	1.808.256.322

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre là do Công ty đã bán bớt cổ phiếu trong năm.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	57.765.691.429	121.250.179.569
Trả trước cho người bán	10.557.716.671	4.620.870.808
Các khoản phải thu khác	3.818.466.840	7.538.571.114
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	72.141.874.940	133.409.621.491
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.301.121.697)	(6.505.103.002)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	64.840.753.243	126.904.518.489

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại Công ty CP Đại Thiên Lộc	21.038.766.534	121.030.095.761
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	36.555.380.047	-
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	171.544.848	220.083.808
Cộng	57.765.691.429	121.250.179.569

Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu từ các bên liên quan là 6.546.401.958 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền cho công nhân viên vay	622.744.750	630.494.750
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	211.747.822	5.495.266.731
Phải thu khác	2.983.974.268	1.412.809.633
Cộng	3.818.466.840	7.538.571.114

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	(268.074.094)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(142.953.083)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(209.585.986)	(1.461.658.498)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.948.582.628)	(4.775.370.410)
Cộng	(7.301.121.697)	(6.505.103.002)

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	149.907.602.993	147.039.070.840
Công cụ, dụng cụ	6.923.086.049	6.686.620.259
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.473.512	1.372.068
Thành phẩm	303.445.837.868	356.270.895.591
Hàng hóa	484.833.629.785	529.594.547.724
Cộng giá gốc hàng tồn kho	945.314.630.207	1.039.592.506.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.876.526.562)	(16.868.490.890)
Giá trị thuần có thể thực hiện	936.438.103.645	1.022.724.015.592

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 7.991.964.328 đồng, do hàng đã được bán ra trong năm.

Hàng tồn kho với giá trị là 284.916.189.075 đồng và 14.159.062 Đô la Mỹ được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.10.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.419
Tạm ứng	1.085.152.014	1.262.134.027
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.952.344.138	16.538.242.223
Tổng cộng	19.158.776.572	17.921.656.669

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng						
Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.931.484	51.287.193	34.300.742	1.507.507	87.000	104.113.926
Mua trong năm	-	5.383.380	-	153.000	-	5.536.380
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	431.298.346	-	524.335	1.225.111	433.047.792
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.341.697)	-	-	-	(10.341.697)
Số dư cuối năm	16.931.484	477.627.222	34.300.742	2.184.842	1.312.111	532.356.401

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	6.231.534	21.106.538	9.851.869	806.471	23.200	38.019.612
Khấu hao trong năm	1.191.754	16.163.387	4.139.681	294.478	134.077	21.923.377
Thanh lý, nhượng bán	-	(421.118)	-	-	-	(421.118)
Giảm khác	-	(40.211)	(3.872)	-	-	(44.083)
Phân loại lại	-	9.134	(9.134)	-	-	-
Số dư cuối năm	7.423.288	36.817.730	13.978.544	1.100.949	157.277	59.477.788

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	10.699.950	30.180.655	24.448.873	701.036	63.800	66.094.314
Tại ngày cuối năm	9.508.196	440.809.493	20.322.198	1.083.892	1.154.834	472.878.613

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 18.587.739.265 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng là 367.460.334.126 đồng – Xem thêm mục 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.598.224.305 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục Máy móc thiết bị

Nguyên giá

Số dư đầu năm	-
Thuê tài chính trong năm	10.339.284.741
Số dư cuối năm	10.339.284.741

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	646.205.296
Số dư cuối năm	646.205.296

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	9.693.079.445

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm là 531.627.948 đồng.

Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Tiền thuê được tính dựa trên giá trị thuê và lãi suất thuê được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền mua tài sản: Bên Thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên Cho Thuê đồng ý bán Tài sản Thuê với giá bằng giá trị còn lại được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.608.217.073	22.824.746	1.631.041.819
Khấu hao trong năm	1.428.473.242	11.412.375	1.439.885.617
Phân loại lại	(11.412.372)	11.412.372	-
Số dư cuối năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	61.262.030.735	68.474.254	61.330.504.989
Tại ngày cuối năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 57.412.032.361 đồng
– Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Máy móc, dây chuyền sản xuất	181.343.390.563	335.063.104.269
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	112.152.476.174	93.910.620.960
Công trình tường rào tại Xí nghiệp cơ khí	-	1.225.110.581
Công trình xây dựng đường trạm, hệ thống điện, PCCC, xử lý nước thải	9.021.844.057	8.303.795.431
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998	-
Tổng cộng	303.699.962.792	438.502.631.241

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng là 214.064.140.497 đồng đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn
– Xem thêm mục 5.17.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	568.527.549.905	627.432.881.903
Vay đối tượng khác	2.161.069.737	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	94.970.184.448	37.807.076.920
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.563.804.064	-
Tổng cộng	669.222.608.154	667.955.185.823

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,8%/năm đối với USD và từ 13%/năm đến 19,8%/năm tùy từng thời kỳ đối với VND và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình - Xem thêm mục 5.4, 5.6, 5.8.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân không thời hạn và vay các công ty khác dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,65%/tháng, trong đó có khoản vay cá nhân liên quan là 47.336.487 đồng – Xem thêm mục 8.

Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả là nợ đến hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 Chailease ngày 05 tháng 06 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế - Xem thêm mục 5.17.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	225.246.936.198	229.180.511.808
Người mua trả tiền trước	7.829.950.192	5.574.408.555
Tổng cộng	233.076.886.390	234.754.920.363

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	59.120.157.238	162.812.016.924
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	166.126.778.960	66.368.494.884
Cộng	225.246.936.198	229.180.511.808

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là 57.386.286.445 đồng - Xem thêm mục 8.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	44.183.021.892	11.166.059.246
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.726.457.045	-
Thuế xuất, nhập khẩu	7.759.773.766	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.879.868.985	15.285.823.994
Thuế thu nhập cá nhân	1.470.192.746	3.540.545.553
Các loại thuế khác	4.440.000	-
Tổng cộng	74.023.754.434	35.386.337.202

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng tháng 13 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	3.644.678.424	4.319.814.141
Chi phí khác	300.548.864	4.301.692
Tổng cộng	3.945.227.288	4.324.115.833

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	262.713.186	221.114.989
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	349.569.651	810.948.993
Phải trả tiền mượn	-	5.374.742.200
Cổ tức phải trả	152.737.500	1.890.253.660
Doanh thu chưa thực hiện	-	762.404.537
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.323.002.624	3.071.636.746
Tổng cộng	4.088.022.961	12.131.101.125

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm này	Năm trước
Số dư đầu năm	4.765.387.201	934.559.553
Trích lập trong năm	4.871.559.173	7.286.406.742
Tăng khác	6.970.100	88.076.300
Sử dụng trong năm	(4.350.927.520)	(3.543.655.394)
Số dư cuối năm	5.292.988.954	4.765.387.201

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	193.166.508.620	85.530.579.780
Nợ thuê tài chính	1.781.902.030	-
Tổng cộng	194.948.410.650	85.530.579.780

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 288.136.693.068 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 94.970.184.448 đồng. – Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và công trình xây dựng cơ bản dở dang. – Xem thêm mục 5.6, 5.8 và 5.9.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 02 năm. Số dư nợ gốc đến 31 tháng 12 năm 2012 là 1.781.902.030 đồng, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 3.563.804.064 đồng – xem thêm mục 5.10.

(Phần tiếp theo trang 24)

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	297.816.683	7.858.510.594	1.903.869.837	140.382.698.693	786.526.095.807
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	16.386.200.000	9.613.783.540	-	-	-	-	-	25.999.983.540
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(58.508.685.584)	-	-	-	-	(58.508.685.584)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	162.385.305.750	162.385.305.750
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	9.380.758.427	362.200.000	(17.029.365.169)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(145.003.166.000)	(145.003.166.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(399.600.000)	-	(399.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(50.609.019)	-	-	(55.315.680)	(105.924.699)
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	247.207.664	17.239.269.021	1.866.469.837	140.680.157.594	763.607.602.072
Tăng vốn năm này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	13.185.162.056	13.185.162.056
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	8.119.265.288	811.926.529	(13.802.750.990)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(46.908.230.000)	(46.908.230.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(45.600.000)	-	(45.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(247.207.664)	-	-	-	(247.207.664)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	24.815.909	24.815.909
Số dư cuối năm	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	-	25.358.534.309	2.632.796.366	93.179.154.569	724.744.983.200

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	187.697.270.000	37,44	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	41.250.000.000	8,23
Vốn góp của các đối tượng khác	241.845.880.000	48,24	377.610.900.000	75,31
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.18.3. Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 (10%/mệnh giá) với số tiền 46.908.230.000 đồng.

5.18.4. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	13.185.162.056	162.385.305.750
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	46.908.250	46.714.625
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	281	3.476

5.18.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	140.680.157.594	140.382.698.693
Lợi nhuận sau thuế trong năm	13.185.162.056	162.385.305.750
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(8.119.265.288)	(9.380.758.427)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(811.926.529)	(362.200.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.871.559.173)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức	(46.908.230.000)	(145.003.166.000)
Tăng khác/(giảm khác)	24.815.909	(55.315.680)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	93.179.154.569	140.680.157.594

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	839.856.641.336	987.094.524.654
Doanh thu bán thành phẩm	725.699.693.036	862.933.771.522
Doanh thu xây dựng	25.002.660.541	-
Doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu	12.677.454.694	4.723.137.812
Doanh thu khác	40.099.099	60.566.295
Giảm giá hàng bán	(184.559.191)	(15.274.129)
Hàng bán bị trả lại	(6.776.806.944)	(2.162.825.622)
Doanh thu thuần	1.596.315.182.571	1.852.633.900.532

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	822.207.555.185	791.031.501.736
Giá vốn của thành phẩm đã bán	595.015.195.471	700.708.503.711
Giá vốn xây dựng	24.991.032.283	-
Giá vốn của nguyên vật liệu, phế liệu	2.611.270.732	4.660.597.819
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.991.964.328)	16.868.490.890
Tổng cộng	1.436.833.089.343	1.513.269.094.156

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.248.381.723	360.401.796
Lãi đầu tư chứng khoán	82.686.129	1.968.947.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.179.503.128	5.503.218.107
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	227.185.778	-
Tổng cộng	2.737.756.758	7.832.567.698

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	87.070.331.027	81.180.510.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.781.592.035	40.483.866.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	435.381.293	661.227.500
Lãi bán hàng trả chậm	817.042.778	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	22.425.372	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(55.159.868)	-
Tổng cộng	91.071.612.637	122.325.604.276

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.207.679.965	3.714.885.444
Chi phí vật liệu, bao bì	1.246.167.850	1.771.901.812
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.613.639	177.238.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.810.211	106.929.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.273.440.544	579.633.747
Chi phí khác	6.076.859.843	9.964.215.833
Tổng cộng	11.921.572.052	16.314.805.370

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.939.118.403	10.887.673.634
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	360.004.063	299.945.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.613.043.274	1.054.791.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.877.939.996	7.787.712.903
Chi phí khác	9.283.518.449	8.991.145.108
Tổng cộng	40.073.624.185	29.021.268.663

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	10.182.297.323	1.400.000.000
Thu tiền nhượng bán các dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	-	1.817.760.697
Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	-	1.057.166.515
Thu nhập khác	737.740.328	149.346.175
Tổng cộng	10.920.037.651	4.424.273.387

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	9.920.849.284	1.369.827.590
Giá trị còn lại chi phí XD CB dở dang thanh lý, nhượng bán	-	1.629.657.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	1.301.106.764	
Nộp phạt tiền thuế	4.258.466.779	174.045.530
Chi phí khác	111.771.273	3.448.127.417
Tổng cộng	15.592.194.100	6.621.657.982

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	750.847.078.492	773.046.666.526
Chi phí nhân công	30.496.008.197	20.967.400.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.157.858.377	10.067.401.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.195.773.133	10.274.869.020
Chi phí khác	33.113.693.775	21.383.498.231
Tổng cộng	844.810.411.974	835.739.836.377

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN năm này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động thương mại 20% + Hoạt động sản xuất 15% và giảm 50%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Đang được miễn thuế
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	25%

6.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm được trình bày như sau:

	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ
Số dư đầu năm nay	-
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay	(298.322.384)
Số dư cuối năm	298.322.384

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Hoạt động khác: dịch vụ vận chuyển, lưu kho, xây dựng, gia công.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: triệu đồng

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	860.756	719.706	987.095	838.888	4.784	37.720	-	-	1.852.635	1.596.314
Giữa các bộ phận	18.309	595.489	-	1.020.150	-	4.643	(18.309)	(1.620.282)	-	-
Tổng cộng	879.065	1.315.195	987.095	1.859.038	4.784	42.363	(18.309)	(1.620.282)	1.852.635	1.596.314
Kết quả của bộ phận	143.179	125.381	196.063	23.983	123	10.118	-	-	339.365	159.482
Chi phí không phân bổ									(45.336)	(51.995)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác									294.029	107.487
Thu nhập tài chính									7.833	2.738
Chi phí tài chính									(122.326)	(91.072)
Thu nhập khác									4.424	10.920
Chi phí khác									(6.622)	(15.592)
Lợi nhuận trước thuế									177.338	14.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(14.953)	(1.594)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									-	298
Lợi nhuận sau thuế									162.385	13.185

Các thông tin khác

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Tài sản của bộ phận	352.307	300.171	516.690	479.232	-	-	-	-	868.997	779.403
Tài sản không phân bổ									940.001	1.132.974
Tổng tài sản									1.808.998	1.912.377
	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Nợ phải trả không phân bổ									1.045.390	1.187.631
Tổng nợ phải trả									1.045.390	1.187.631

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Chi phí mua sắm tài sản	205.165	304.050	-	-	-	-	-	-	205.165	304.050
Chi phí khấu hao	11.209	24.009	-	-	-	-	-	-	11.209	24.009

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: triệu đồng

	<u>Trong nước</u>		<u>Ngoài nước</u>		<u>Các khu vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	1.397.808	1.381.939	454.826	214.376	-	-	-	-	1.852.634	1.596.315
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.397.808	1.381.939	454.826	214.376	-	-	-	-	1.852.634	1.596.315
Chi phí mua sắm tài sản	205.165	304.050	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Tài sản của bộ phận	1.803.574	1.902.745	5.424	9.632	-	-	-	-	1.808.998	1.912.377

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty và cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
4. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Cổ đông lớn
5. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
6. Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Bến Tre	Cổ đông lớn

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3	6.546.401.958	1.921.198.253
Phải trả - Xem thêm mục 5.11	(57.386.286.445)	(41.243.003.806)
Phải trả nợ vay – Xem thêm mục 5.10	(47.336.487)	-
Phải trả lãi vay	(3.749.050)	-

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Vay trong năm	76.792.635.574	-
Trả tiền vay trong năm	81.680.460.778	-
Chi phí lãi vay	5.481.117.581	-
Mua hàng	180.650.240.651	38.127.581.800
Bán hàng	326.863.241.695	37.880.000.100
Chi trả tiền trái phiếu không chuyển đổi	-	36.000.000.000
Thu tiền chuyển nhượng QSD đất	1.400.000.000	-

- Tập đoàn cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất 1,65%/tháng đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn	1.547.323.484	1.169.615.155

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.467.867.667	46.573.662.231
Các khoản phải thu và phải thu khác	54.071.288.750	116.788.380.950
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	3.411.544.000
Đầu tư dài hạn khác	339.477.795	68.477.795
Tài sản tài chính khác	17.952.344.138	16.538.242.223
Tổng cộng	100.477.529.347	183.380.307.199
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	864.171.018.804	753.485.765.603
Phải trả người bán và phải trả khác	228.569.938.822	240.279.548.951
Chi phí phải trả	3.945.227.288	4.324.115.833
Tổng cộng	1.096.686.184.914	998.089.430.387

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	7.945.679,81	3.545.716,47	887.157,88	363.866,97
Euro (EUR)	-	-	100,27	100,27

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Tập đoàn chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Tập đoàn có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	228.569.938.822	-	228.569.938.822
Chi phí phải trả	3.945.227.288	-	3.945.227.288
Các khoản vay	691.111.867.300	173.059.151.504	864.171.018.804

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	240.279.548.951	-	240.279.548.951
Chi phí phải trả	4.324.115.833	-	4.324.115.833
Các khoản vay	667.955.185.823	85.530.579.780	753.485.765.603

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.071.288.750	-	54.071.288.750
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	-	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	-	339.477.795	339.477.795
Tài sản tài chính khác	17.952.344.138	-	17.952.344.138
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.788.380.950	-	116.788.380.950
Đầu tư ngắn hạn khác	3.411.544.000	-	3.411.544.000
Đầu tư dài hạn khác	-	68.477.795	68.477.795
Tài sản tài chính khác	16.538.242.224	-	16.538.242.224

10. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tồn kho – Xem thêm mục 5.4	284.916.189.075 đồng và 14.159.062 Đô la Mỹ	634.279.705.000
Tài sản cố định hữu hình- Xem thêm mục 5.6	386.048.073.391	29.527.826.523
Tài sản cố định vô hình- Xem thêm mục 5.8	57.412.032.361	58.840.505.609
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang - Xem thêm mục 5.9	214.064.140.497	104.100.000.000

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Các thông tin thuyết minh khác

Công ty đã chuyển các hoạt động sản xuất sang cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc từ tháng 4 năm 2012.

Do thay đổi lại cơ cấu , Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

TẬP ĐOÀN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, 02 chi nhánh này vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể.

13. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA